TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2018
V/v: "Ly hôn giữa ông V và bà M"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thanh.

2. Bà Lê Thị Huyền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 126/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/8/2018 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V Sinh năm: 1962 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Thôn T , xã N , huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M Sinh năm: 1962 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn T , xã N , huyện N , tỉnh Nam Định .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/8/2018 được bổ sung tại bản tự khai ngày 27/8/2018, nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị M kết hôn với nhau vào ngày 23 tháng 8 năm 1986, quá trình tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N , huyện N , tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Đến năm 1993 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi, va chạm với nhau. Sau đó vợ chồng đã cố gắng hòa hợp nhưng không thành. Từ năm 1993 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, ông đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là Nguyễn Văn T sinh ngày 22/11/1987; Nguyễn Thị C sinh ngày 22/01/1991 và Nguyễn Thị N sinh ngày 22/03/1993. Hiện nay các con chung của ông bà đã trưởng thành và lập gia đình. Vì vậy, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung khi ly hôn.

Về tài sản; công nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại bản tự khai ngày 13/9/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn V kết hôn với nhau vào năm 1986, quá trình tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N , huyện N , tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 1993 ông V đi làm ăn xa bà ở nhà chăm sóc bố mẹ chồng và các con. Sau đó, ông V có người phụ nữ khác không quan tâm đến mẹ con bà. Từ năm 1996 cho đến nay bà và ông V sống ly thân. Nay ông V xin ly hôn bà đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 03 con chung là Nguyễn Văn T sinh năm 1987; Nguyễn Thị C sinh năm 1991 và Nguyễn Thị N sinh năm 1993. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và lập gia đình. Vì vậy, bà không yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn.

Về tài sản; công nợ chung: vợ chồng không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị M có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị M kết hôn với nhau vào ngày 23 tháng 8 năm 1986, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N , huyện N , tỉnh Nam Định, vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống do vợ chồng không có sự hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Từ năm 1996 cho đến nay vợ chồng đã ly thân, ông V không quan tâm, chăm sóc gì đến mẹ con bà M. Nay ông Việt xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ; ông V xin ly hôn, bà M đồng ý. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa ông V và bà M nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn V đối với bà Nguyễn Thị M.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Văn T sinh ngày 22/11/1987; Nguyễn Thị C sinh ngày 22/01/1991 và Nguyễn Thị N sinh ngày 22/03/1993. Hiện nay các con chung của ông bà đã trưởng thành và lập gia đình.

Ông V và bà M không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung khi ly hôn, vì vậy không đặt ra để xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Ông V và bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn V phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị M.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng ông đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0002077 ngày 24/8/2018.

3.Về quyền kháng cáo: ông Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện;*
- *Chi cục THA huyện Nam Trực;*
- *UBND xã N ;*
- *Các đương sự,*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*
- *Lưu VP*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mạnh Cường